

DANH SÁCH LÊN LỚP NĂM 2011 - 2012

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-CD CTIM ngày: / /)
của Hiệu trưởng Trường CD CTIM

Khóa học : C12_10

Hệ ĐT : Cao đẳng chính quy

Ngành : Kế toán

Lớp học : Kế toán 2 - K12

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	XL RL	ĐIỂM TRUNG BÌNH			ĐVHT KD	TỔNG ĐVHT
				HK-1	HK-2	CN		
1	0910090179	Phạm Thìn		5.83	5.66	5.74	7	83
2	1010090040	Lê Thị Thanh Hiếu		6.25	5.71	5.99		83
3	1010130075	Thái Phan Thị Hồng Nhung		5.55	6.61	6.06		83
4	1010130076	Huỳnh Kim Oanh		6.18	6.26	6.22	7	83
5	1010130077	Phạm Nguyên Tường Oanh		6.55	6.66	6.60		83
6	1010130078	Lê Thị Phi		6.25	6.45	6.35		83
7	1010130079	Đào Nguyên Phúc		6.63	7.05	6.83		83
8	1010130080	Nguyễn Hồng Phúc		6.88	6.68	6.78		83
9	1010130081	Trương Thị Lan Phương		6.20	6.58	6.38		83
10	1010130083	Lâm Thị Phương		6.50	7.13	6.81		83
11	1010130084	Phan Thị Quý		6.35	6.53	6.44		83
12	1010130085	Nguyễn Nhật Sỏi		7.20	6.97	7.09		83
13	1010130086	Võ Thị Diễm Sương		6.05	5.97	6.01	3	83
14	1010130087	Nguyễn Thị Thu Sương		5.85	6.68	6.26		83
15	1010130089	Trần Chí Tâm		6.45	7.29	6.86		83
16	1010130090	Nguyễn Thị Thạch		7.30	7.11	7.21		83
17	1010130092	Võ Đại Thành		6.00	5.63	5.82	5	83
18	1010130093	Nguyễn Thị Thu Thảo		5.80	6.50	6.14	3	83
19	1010130094	Đào Nguyễn Phương Thảo		6.23	6.42	6.32		83
20	1010130095	Trịnh Thị Phương Thảo		6.15	5.63	5.90		83
21	1010130097	Nguyễn Thị Phương Thảo		6.20	6.55	6.37	3	83
22	1010130098	Mai Thị Phương Thảo		6.25	5.50	5.88		83
23	1010130100	Nguyễn Vi Nhật Thảo		6.55	6.66	6.60		83
24	1010130101	Phạm Thị Thu Thảo		6.25	6.74	6.49	3	83
25	1010130102	Nguyễn Ngọc Thảo		5.73	6.03	5.87		83
26	1010130105	Dương Quốc Thịnh		5.90	5.97	5.94	5	83
27	1010130106	Đỗ Thị Hoài Thương		6.85	6.66	6.76		83
28	1010130107	Trần Thị Thương		6.75	6.92	6.83		83
29	1010130108	Nguyễn Thị Hoài Thương		6.53	7.26	6.88		83
30	1010130110	Nguyễn Ngọc Thủy		7.10	5.63	6.38	3	83
31	1010130111	Nguyễn Thị Hồng Thủy		6.55	7.21	6.87		83

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	XL RL	ĐIỂM TRUNG BÌNH			ĐVHT KĐ	TỔNG ĐVHT
				HK-1	HK-2	CN		
32	1010130112	Phạm Thị Thu Thủy		7.10	6.97	7.04		83
33	1010130113	Nguyễn Thị Thúy Thủy		7.35	8.29	7.81		83
34	1010130114	Trần Ngọc Tiên		6.55	5.84	6.21	6	83
35	1010130115	Hà Thị Tình		5.78	5.82	5.79	2	83
36	1010130116	Lý Trọng Toàn		6.05	6.03	6.04	4	83
37	1010130117	Nguyễn Thị Bích Trâm		5.65	5.63	5.64		83
38	1010130118	Đoàn Thị Mỹ Trang		6.50	6.34	6.42		83
39	1010130119	Lê Thị Kiều Trang		6.80	6.47	6.64		83
40	1010130120	Vũ Thị Trang		7.05	6.97	7.01		83
41	1010130121	Phạm Thị Thu Trang		6.65	6.42	6.54		83
42	1010130122	Lê Thị Ngọc Trang		6.90	7.47	7.18		83
43	1010130123	Võ Thị Thùy Trang		6.25	6.03	6.14		83
44	1010130124	Nguyễn Ngọc Thanh Trang		6.05	6.89	6.46		83
45	1010130125	Nguyễn Vũ Hoài Trang		6.35	7.05	6.69		83
46	1010130126	Trương Thiên Trang		6.35	5.66	6.01		83
47	1010130128	Trần Mạnh Triến		5.85	6.03	5.94	3	83
48	1010130129	Phan Minh Triều		6.23	6.42	6.32		83
49	1010130131	Võ Thị Bảo Trinh		6.05	6.82	6.42		83
50	1010130132	Lê Thị Kim Trúc		5.95	7.16	6.54		83
51	1010130133	Hà Thanh Truyền		6.55	6.18	6.37	3	83
52	1010130134	Nguyễn Võ Ngọc Tú		7.50	7.26	7.38		83
53	1010130135	Nguyễn Thị Cẩm Tú		7.10	7.53	7.31		83
54	1010130136	Lê Thị Cẩm Tú		6.15	4.68	5.44	8	83
55	1010130137	Lê Dương Tuyển		6.35	6.82	6.58		83
56	1010130138	Lưu Minh Tuyển		6.13	6.89	6.50		83
57	1010130139	Nguyễn Thị Tuyết Vân		6.95	7.34	7.14		83
58	1010130140	Trần Cẩm Vân		7.15	7.47	7.31		83
59	1010130141	Nguyễn Kiều Vân		6.90	6.68	6.79		83
60	1010130142	Nguyễn Thị Bích Vân		6.58	5.95	6.27		83
61	1010130143	Phan Thị Viên		6.40	6.66	6.53		83
62	1010130145	Nguyễn Thị Hương Xuân		7.55	6.61	7.09		83
63	1010130146	Mai Thị Ngọc Xúy		6.40	6.58	6.49		83
64	1010130147	Đỗ Thị Kim Yến		5.90	6.53	6.21		83
65	1010130148	Nguyễn Ngọc Kim Yến		7.15	6.95	7.05		83
66	1010130149	Nguyễn Thúy Bình		5.65	5.97	5.81	20	83

Tổng số : 66

TP. Hồ Chí Minh, ngày/....../ 20....

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI LẬP BẢNG